

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ văn phòng - MH1105037

Mã lớp học phần: 25111MH110503701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.5	Eight, five	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA				V
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>[Signature]</i>	6.0	Sáu	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.5	Eight, five	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.5	Eight, five	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.5	Eight, five	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.0	Eight	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.0	Eight	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, năm	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	6.0	Sáu	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, năm	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, năm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.0	Eight	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	6.0	Sáu	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>[Signature]</i>	8.0	Eight	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, năm	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	9.5	Chín năm	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	9.0	Chín	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA	Như Ý	8.0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 01 . Số bài thi: 28 / 29 .

Ngày: 28 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Long

Ngày: 20 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình



QUẢN TRỊ ĐO ANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ văn phòng - MH1105037

Mã lớp học phần: 25111MH110503701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	6.5	Sau, năm	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Hiếu</i>	6.0	Sau	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8.0	Sam	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA				V
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	6.0	Sau	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	7.5	Bảy, năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>Huỳnh</i>	6.5	Sau, năm	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	8.5	Sam, năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	8.5	Sam, năm	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngọc</i>	7.5	Bảy, năm	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>Nhân</i>	7.5	Bảy, năm	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>Oanh</i>	7.5	Bảy, năm	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<i>Phú</i>	6.5	Sau, năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phúc</i>	7.5	Bảy, năm	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	7.0	Bảy	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quỳnh</i>	7.5	Bảy, năm	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	6.5	Sau, năm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	7.5	Bảy, năm	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	8.0	Sam	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Thuận</i>	7.5	Bảy, năm	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	7.5	Bảy, năm	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	8.0	Sam	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	8.0	Sam	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Tiên</i>	7.5	Bảy, năm	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Trang</i>	8.5	Sam, năm	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Trân</i>	6.5	Sau, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA	Tu	8.0	Đạt	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA	4	7.5	Đạt, năm	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA	nhz	8.5	Đạt, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 01 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày 28 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Cường

Ngày 20 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ văn phòng - MH1105037

Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110503701 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006		1	8,5	8,5, năm	C26TA	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006		1	5,5	5,5, năm	C26TA	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
4	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004		1	4,0	4,0, năm	C26TA	
5	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006		1	6,5	6,5, năm	C26TA	
6	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006		1	6,0	6,0, năm	C26TA	
7	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006		1	6,0	6,0, năm	C26TA	
8	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
9	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006		1	8,5	8,5, năm	C26TA	
10	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
11	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004					C26TA	VT
12	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
13	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006		1	6,0	6,0, năm	C26TA	
14	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999		1	8,0	8,0, năm	C26TA	
15	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006		1	8,0	8,0, năm	C26TA	
16	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002		1	6,5	6,5, năm	C26TA	
17	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996		1	7,0	7,0, năm	C26TA	
18	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
19	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006		1	8,0	8,0, năm	C26TA	
20	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006		1	7,0	7,0, năm	C26TA	
21	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
22	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006		1	7,5	7,5, năm	C26TA	
23	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980		1	8,0	8,0, năm	C26TA	
24	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006		1	7,0	7,0, năm	C26TA	
25	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006		1	7,0	7,0, năm	C26TA	
26	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006		1	7,5	7,5, năm	C26TA	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<i>nh</i>	1	6,5	<i>sau, nam</i>	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 26 / 26

Số sinh viên đạt: 26 Tỷ lệ đạt: %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Duy Tân



Ngày 10 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Phương Bình